

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao đất cho Công ty cổ phần Lapinta thuê đất (đợt 1) để thực hiện dự án đầu tư xây dựng Khu nhà ở tại phường Nghi Thu, thị xã Cửa Lò, tỉnh Nghệ An (nay là phường Cửa Lò, tỉnh Nghệ An)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất; số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 quy định chi tiết về đất trồng lúa; số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 11092/TTr-SNNMT.QLĐĐ ngày 25 tháng 11 năm 2025 về việc giao đất, cho Công ty Cổ phần LAPINTA thuê đất (đợt 1) để thực hiện dự án đầu tư xây dựng Khu nhà ở tại phường Cửa Lò, tỉnh Nghệ An.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao 116.788,8 m² đất (đợt 1) tại phường Cửa Lò, tỉnh Nghệ An cho Công ty Cổ phần Lapinta để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng Khu nhà ở theo quy hoạch và pháp luật, cụ thể như sau:

1. Đối với 43.559,8 m² đất ở tại đô thị để xây dựng nhà ở thấp tầng (gồm: 13.320,0 m² đất nhà ở thấp tầng; 30.239,8 m² khu vực thực hiện chuyển QSDĐ dưới hình thức phân lô, bán nền cho người dân tự xây dựng nhà ở thấp tầng).

- Hình thức giao đất: Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất.

- Thời hạn sử dụng đất: 50 năm, kể từ ngày UBND tỉnh ban hành Quyết định giao đất. Người nhận chuyển quyền sử dụng đất ở, nhà ở được sử dụng ổn định lâu dài theo quy định tại khoản 2 Điều 174 Luật Đất đai 2024.

2. Đối với 10.900,0 m² đất ở tại đô thị để xây dựng nhà ở xã hội.

- Hình thức giao đất: Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất. Nhà đầu tư được miễn tiền sử dụng đất, không phải thực hiện thủ tục xác định giá đất, tính tiền sử dụng đất, không phải thực hiện thủ tục đề nghị miễn tiền sử dụng đất theo quy định tại Điều 157 Luật Đất đai, khoản 3 Điều 18 Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ và khoản 2 Điều 85 Luật Nhà ở.

- Thời hạn sử dụng đất: 50 năm, kể từ ngày UBND tỉnh ban hành Quyết định giao đất.

3. Đối với 62.329,0 m² đất để sử dụng vào mục đích công cộng (gồm: 21.635,6 m² đất cây xanh, mặt nước; 2.100,1 m² đất công trình đầu mối HTKT; 1.222,0 m² đất xây dựng nhà văn hoá; 37.371,3 m² đất đường giao thông):

- Hình thức giao đất: Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất.

- Sau khi xây dựng xong theo quy hoạch, yêu cầu Công ty Cổ phần Lapinta bàn giao lại cho UBND phường Cửa Lò để quản lý, sử dụng theo quy định.

Vị trí, ranh giới khu đất xác định theo Bản đồ đo đạc địa chính bổ sung số 35/2025/ĐĐBS/TTPTQĐ do Trung tâm Phát triển quỹ đất lập, được Sở Nông nghiệp và Môi trường phê duyệt ngày 04/11/2025.

Phương thức giao đất: Nhà nước giao đất thông qua đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất.

Điều 2. Cho Công ty Cổ phần Lapinta thuê 2.444,0 m² đất tại phường Cửa Lò, tỉnh Nghệ An để thực hiện dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị theo quy hoạch và pháp luật, cụ thể như sau:

- Mục đích sử dụng đất: Đất cơ sở giáo dục và đào tạo (xây dựng trường mầm non).

- Hình thức thuê đất: Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm. Nhà đầu tư được miễn tiền thuê đất cho toàn bộ thời gian thuê, không phải thực hiện thủ tục xác định giá đất, tính tiền thuê đất, không phải thực hiện thủ tục đề nghị miễn tiền thuê đất theo quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 157 Luật Đất đai; khoản 15 Điều 38 Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ; điểm a khoản 3 Điều 4 Nghị quyết số 23/2024/NQ-HĐND ngày 06/12/2024 của HĐND tỉnh Nghệ An.

- Thời hạn sử dụng đất: 50 năm, kể từ ngày UBND tỉnh ban hành Quyết định cho thuê đất.

- Vị trí, ranh giới khu đất xác định theo Bản đồ đo đạc địa chính bổ sung số 35/2025/ĐĐBS/TTPTQĐ do Trung tâm Phát triển quỹ đất lập, được Sở Nông nghiệp và Môi trường phê duyệt ngày 04/11/2025.

- Phương thức thuê đất: Nhà nước cho thuê đất thông qua đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất.

(chi tiết các thửa đất có phụ lục kèm theo)

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường:

- Xác định giá đất cụ thể trình UBND tỉnh phê duyệt; cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản khác gắn liền với đất; chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan xác định mốc giới và bàn giao đất trên thực địa cho Công ty cổ phần Lapinta theo quy định.

- Theo dõi, thống kê, tổng hợp việc miễn tiền sử dụng đất, tiền thuê đất của Chủ đầu tư theo quy định. Trường hợp trong quá trình sử dụng đất, Chủ đầu tư không đáp ứng điều kiện để được miễn tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định thì báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh thu hồi việc miễn tiền sử dụng đất, tiền thuê đất và chuyển

thông tin cho cơ quan Thuế để phối hợp tính, thu, nộp số tiền sử dụng đất, tiền thuê đất và khoản tiền tương ứng với tiền chậm nộp phải nộp theo quy định.

- Chỉ đạo Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Nghệ An: Cập nhật, chỉnh lý cơ sở dữ liệu đất đai, hồ sơ địa chính theo quy định của pháp luật.

- Bổ sung mức giá tại Dự án vào Bảng giá đất trình UBND tỉnh phê duyệt, làm cơ sở cho việc tham mưu, cho Nhà đầu tư thuê 252,0 m² đất thương mại dịch vụ (đã hoàn thành GPMB).

2. Thuế tỉnh Nghệ An:

- Xác định, thông báo cho Công ty cổ phần Lapinta nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, phí, lệ phí (nếu có) theo quy định.

- Thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất của Công ty cổ phần Lapinta theo đúng quy định pháp luật.

3. Các Sở: Tài chính, Xây dựng, Công Thương, Giáo dục và Đào tạo: Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan, theo chức năng, nhiệm vụ về quản lý dự án đầu tư đối với dự án và các nội dung khác có liên quan theo quy định.

4. UBND phường Cửa Lò: Thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với việc sử dụng đất, xây dựng, bảo vệ môi trường, phòng cháy chữa cháy của Công ty cổ phần Lapinta theo quy định của pháp luật. Khẩn trương hoàn thành thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư phần diện tích còn lại. Giám sát việc thực hiện bóc tách, sử dụng tầng đất mặt đối với đất chuyên trồng lúa nước theo phương án của Chủ đầu tư. Thu tiền bảo vệ phát triển đất trồng lúa theo quy định.

5. Yêu cầu Công ty cổ phần Lapinta: Phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện nhiệm vụ tại điểm 1, 2, 3 và 4 Điều 3; nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, các khoản phí, lệ phí và các nghĩa vụ tài chính khác có liên quan theo đúng quy định của pháp luật; sử dụng đất đúng mục đích, đúng diện tích, mốc giới khu đất; chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng, đất đai, bảo vệ môi trường và các quy định khác có liên quan.

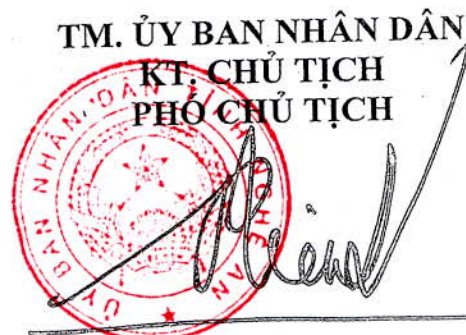
Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Xây dựng, Tài chính, Công Thương, Giáo dục và Đào tạo; Trưởng Thuế tỉnh Nghệ An; Chủ tịch UBND phường Cửa Lò và Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Lapinta chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm đăng tải Quyết định này trên cổng thông tin điện tử của tỉnh. /

Nơi nhận: /

- Như Điều 3;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- PCT UBND tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, NN (TP, B. Thắng).



Phùng Thành Vinh

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIỂU TỔNG HỢP THỬA ĐẤT GIAO, CHO THUÊ ĐỢT 1
TÊN DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH: KHU NHÀ Ở TẠI PHƯỜNG NGHI THU, THỊ XÃ CỬA
(Kèm theo Quyết định số 240 /QĐ-UBND ngày 17 / 12 /2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An)

Số TT	Số tờ	Số thửa	đất	Diện tích	Loại đất	Ghi chú
A. Đất giao cho Chủ đầu tư để thực hiện dự án						
I. Đất nhà ở thấp tầng						
1	104	766	P. Cửa Lò	138,2	ODT	Tờ 16, P. Nghi Thu cũ
2	104	767	P. Cửa Lò	100,0	ODT	Tờ 16, P. Nghi Thu cũ
3	104	768	P. Cửa Lò	100,0	ODT	Tờ 16, P. Nghi Thu cũ
4	104	769	P. Cửa Lò	100,0	ODT	Tờ 16, P. Nghi Thu cũ
5	104	770	P. Cửa Lò	100,0	ODT	Tờ 16, P. Nghi Thu cũ
6	104	771	P. Cửa Lò	100,0	ODT	Tờ 16, P. Nghi Thu cũ
7	104	772	P. Cửa Lò	100,0	ODT	Tờ 16, P. Nghi Thu cũ
8	104	774	P. Cửa Lò	100,0	ODT	Tờ 16, P. Nghi Thu cũ
9	104	776	P. Cửa Lò	100,0	ODT	Tờ 16, P. Nghi Thu cũ
10	104	777	P. Cửa Lò	108,0	ODT	Tờ 16, P. Nghi Thu cũ
11	104	779	P. Cửa Lò	100,0	ODT	Tờ 16, P. Nghi Thu cũ
12	104	780	P. Cửa Lò	142,3	ODT	Tờ 16, P. Nghi Thu cũ
13	104	781	P. Cửa Lò	100,0	ODT	Tờ 16, P. Nghi Thu cũ
14	104	783	P. Cửa Lò	100,0	ODT	Tờ 16, P. Nghi Thu cũ
15	104	784	P. Cửa Lò	100,0	ODT	Tờ 16, P. Nghi Thu cũ
16	104	786	P. Cửa Lò	100,0	ODT	Tờ 16, P. Nghi Thu cũ
17	104	787	P. Cửa Lò	100,0	ODT	Tờ 16, P. Nghi Thu cũ
18	104	789	P. Cửa Lò	100,0	ODT	Tờ 16, P. Nghi Thu cũ
19	104	790	P. Cửa Lò	100,0	ODT	Tờ 16, P. Nghi Thu cũ
20	104	791	P. Cửa Lò	100,0	ODT	Tờ 16, P. Nghi Thu cũ
21	104	792	P. Cửa Lò	100,0	ODT	Tờ 16, P. Nghi Thu cũ
22	104	793	P. Cửa Lò	105,2	ODT	Tờ 16, P. Nghi Thu cũ
23	104	796	P. Cửa Lò	108,0	ODT	Tờ 16, P. Nghi Thu cũ
24	104	798	P. Cửa Lò	126,0	ODT	Tờ 16, P. Nghi Thu cũ
25	104	799	P. Cửa Lò	143,9	ODT	Tờ 16, P. Nghi Thu cũ
26	104	800	P. Cửa Lò	108,0	ODT	Tờ 16, P. Nghi Thu cũ
27	104	801	P. Cửa Lò	121,5	ODT	Tờ 16, P. Nghi Thu cũ
28	104	802	P. Cửa Lò	206,3	ODT	Tờ 16, P. Nghi Thu cũ
29	104	803	P. Cửa Lò	127,4	ODT	Tờ 16, P. Nghi Thu cũ
30	104	805	P. Cửa Lò	126,0	ODT	Tờ 16, P. Nghi Thu cũ
31	104	806	P. Cửa Lò	126,0	ODT	Tờ 16, P. Nghi Thu cũ
32	104	807	P. Cửa Lò	113,5	ODT	Tờ 16, P. Nghi Thu cũ
33	104	808	P. Cửa Lò	118,5	ODT	Tờ 16, P. Nghi Thu cũ
34	104	809	P. Cửa Lò	127,4	ODT	Tờ 16, P. Nghi Thu cũ
35	104	810	P. Cửa Lò	126,0	ODT	Tờ 16, P. Nghi Thu cũ
36	104	811	P. Cửa Lò	127,4	ODT	Tờ 16, P. Nghi Thu cũ

37	104	813	P. Cửa Lò	121,5	ODT	Tờ 16, P. Nghi Thu cũ
38	109	382	P. Cửa Lò	168,0	ODT	Tờ 21, P. Nghi Thu cũ
39	109	383	P. Cửa Lò	168,0	ODT	Tờ 21, P. Nghi Thu cũ
40	109	384	P. Cửa Lò	168,0	ODT	Tờ 21, P. Nghi Thu cũ
41	109	386	P. Cửa Lò	210,0	ODT	Tờ 21, P. Nghi Thu cũ
42	109	387	P. Cửa Lò	143,0	ODT	Tờ 21, P. Nghi Thu cũ
43	109	388	P. Cửa Lò	143,0	ODT	Tờ 21, P. Nghi Thu cũ
44	109	389	P. Cửa Lò	143,0	ODT	Tờ 21, P. Nghi Thu cũ
45	109	390	P. Cửa Lò	143,0	ODT	Tờ 21, P. Nghi Thu cũ
46	109	391	P. Cửa Lò	216,0	ODT	Tờ 21, P. Nghi Thu cũ
47	109	392	P. Cửa Lò	228,0	ODT	Tờ 21, P. Nghi Thu cũ
48	109	393	P. Cửa Lò	216,0	ODT	Tờ 21, P. Nghi Thu cũ
49	109	395	P. Cửa Lò	216,0	ODT	Tờ 21, P. Nghi Thu cũ
50	109	396	P. Cửa Lò	244,0	ODT	Tờ 21, P. Nghi Thu cũ
51	109	397	P. Cửa Lò	216,0	ODT	Tờ 21, P. Nghi Thu cũ
52	109	398	P. Cửa Lò	192,0	ODT	Tờ 21, P. Nghi Thu cũ
53	109	399	P. Cửa Lò	244,0	ODT	Tờ 21, P. Nghi Thu cũ
54	109	400	P. Cửa Lò	192,0	ODT	Tờ 21, P. Nghi Thu cũ
55	109	401	P. Cửa Lò	192,0	ODT	Tờ 21, P. Nghi Thu cũ
56	109	403	P. Cửa Lò	192,0	ODT	Tờ 21, P. Nghi Thu cũ
57	109	404	P. Cửa Lò	192,0	ODT	Tờ 21, P. Nghi Thu cũ
58	109	405	P. Cửa Lò	192,0	ODT	Tờ 21, P. Nghi Thu cũ
59	109	406	P. Cửa Lò	192,0	ODT	Tờ 21, P. Nghi Thu cũ
60	109	407	P. Cửa Lò	192,0	ODT	Tờ 21, P. Nghi Thu cũ
61	109	409	P. Cửa Lò	192,0	ODT	Tờ 21, P. Nghi Thu cũ
62	109	410	P. Cửa Lò	192,0	ODT	Tờ 21, P. Nghi Thu cũ
63	109	411	P. Cửa Lò	192,0	ODT	Tờ 21, P. Nghi Thu cũ
64	109	412	P. Cửa Lò	192,0	ODT	Tờ 21, P. Nghi Thu cũ
65	109	413	P. Cửa Lò	71,9	ODT	Tờ 21, P. Nghi Thu cũ
66	109	414	P. Cửa Lò	192,0	ODT	Tờ 21, P. Nghi Thu cũ
67	109	415	P. Cửa Lò	71,9	ODT	Tờ 21, P. Nghi Thu cũ
68	109	416	P. Cửa Lò	192,0	ODT	Tờ 21, P. Nghi Thu cũ
69	109	417	P. Cửa Lò	176,0	ODT	Tờ 21, P. Nghi Thu cũ
70	109	418	P. Cửa Lò	176,0	ODT	Tờ 21, P. Nghi Thu cũ
71	109	419	P. Cửa Lò	301,7	ODT	Tờ 21, P. Nghi Thu cũ
72	109	420	P. Cửa Lò	176,0	ODT	Tờ 21, P. Nghi Thu cũ
73	109	421	P. Cửa Lò	192,0	ODT	Tờ 21, P. Nghi Thu cũ
74	109	422	P. Cửa Lò	176,0	ODT	Tờ 21, P. Nghi Thu cũ
75	109	423	P. Cửa Lò	176,0	ODT	Tờ 21, P. Nghi Thu cũ
76	109	424	P. Cửa Lò	176,0	ODT	Tờ 21, P. Nghi Thu cũ
77	109	425	P. Cửa Lò	176,0	ODT	Tờ 21, P. Nghi Thu cũ
78	109	426	P. Cửa Lò	211,2	ODT	Tờ 21, P. Nghi Thu cũ
79	109	427	P. Cửa Lò	187,0	ODT	Tờ 21, P. Nghi Thu cũ
80	109	428	P. Cửa Lò	250,2	ODT	Tờ 21, P. Nghi Thu cũ
81	109	429	P. Cửa Lò	162,8	ODT	Tờ 21, P. Nghi Thu cũ
82	109	430	P. Cửa Lò	162,8	ODT	Tờ 21, P. Nghi Thu cũ
83	109	432	P. Cửa Lò	162,8	ODT	Tờ 21, P. Nghi Thu cũ
84	110	610	P. Cửa Lò	149,5	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ

85	110	611	P. Cửa Lò	90,0	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
86	110	612	P. Cửa Lò	127,4	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
87	110	613	P. Cửa Lò	90,0	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
88	110	614	P. Cửa Lò	93,6	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
89	110	615	P. Cửa Lò	108,0	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
90	110	616	P. Cửa Lò	127,4	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
91	110	618	P. Cửa Lò	85,3	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
92	110	619	P. Cửa Lò	127,4	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
93	110	620	P. Cửa Lò	130,5	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
94	110	621	P. Cửa Lò	101,9	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
95	110	622	P. Cửa Lò	111,6	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
96	110	623	P. Cửa Lò	100,0	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
97	110	624	P. Cửa Lò	127,4	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
98	110	625	P. Cửa Lò	100,0	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
99	110	626	P. Cửa Lò	148,5	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
100	110	627	P. Cửa Lò	100,0	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
101	110	628	P. Cửa Lò	127,4	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
102	110	629	P. Cửa Lò	100,0	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
103	110	630	P. Cửa Lò	100,0	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
104	110	631	P. Cửa Lò	172,0	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
105	110	632	P. Cửa Lò	100,0	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
106	110	633	P. Cửa Lò	127,4	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
107	110	634	P. Cửa Lò	100,0	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
108	110	635	P. Cửa Lò	90,0	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
109	110	636	P. Cửa Lò	80,3	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
110	110	637	P. Cửa Lò	127,4	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
111	110	638	P. Cửa Lò	80,3	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
112	110	639	P. Cửa Lò	85,3	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
113	110	640	P. Cửa Lò	108,0	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
114	110	641	P. Cửa Lò	153,0	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
115	110	642	P. Cửa Lò	127,4	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
116	110	643	P. Cửa Lò	108,0	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
117	110	644	P. Cửa Lò	108,0	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
118	110	645	P. Cửa Lò	127,4	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
119	110	647	P. Cửa Lò	148,5	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
120	110	648	P. Cửa Lò	108,0	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
121	110	650	P. Cửa Lò	108,0	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
122	110	651	P. Cửa Lò	108,0	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
123	110	652	P. Cửa Lò	237,0	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
124	110	653	P. Cửa Lò	172,0	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
125	110	654	P. Cửa Lò	111,6	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
126	110	655	P. Cửa Lò	108,0	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
127	110	656	P. Cửa Lò	108,0	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
128	110	657	P. Cửa Lò	108,0	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
129	110	658	P. Cửa Lò	108,0	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
130	110	659	P. Cửa Lò	108,0	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
131	110	660	P. Cửa Lò	118,0	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
132	110	661	P. Cửa Lò	108,0	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ

133	110	662	P. Cửa Lò	108,0	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
134	110	663	P. Cửa Lò	172,0	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
135	110	664	P. Cửa Lò	121,8	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
136	110	665	P. Cửa Lò	111,6	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
137	110	666	P. Cửa Lò	108,0	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
138	110	667	P. Cửa Lò	108,0	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
139	110	668	P. Cửa Lò	108,0	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
140	110	669	P. Cửa Lò	108,0	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
141	110	670	P. Cửa Lò	108,0	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
142	110	672	P. Cửa Lò	108,0	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
143	110	673	P. Cửa Lò	108,0	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
144	110	674	P. Cửa Lò	163,9	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
145	110	675	P. Cửa Lò	108,0	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
146	110	676	P. Cửa Lò	108,0	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
147	110	678	P. Cửa Lò	108,0	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
148	110	679	P. Cửa Lò	108,0	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
149	110	681	P. Cửa Lò	108,0	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
150	110	682	P. Cửa Lò	157,5	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
151	110	683	P. Cửa Lò	108,0	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
152	110	684	P. Cửa Lò	118,0	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
153	110	685	P. Cửa Lò	99,2	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
154	110	686	P. Cửa Lò	108,0	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
155	110	687	P. Cửa Lò	96,0	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
156	110	688	P. Cửa Lò	108,0	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
157	110	689	P. Cửa Lò	157,5	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
158	110	690	P. Cửa Lò	118,0	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
159	110	691	P. Cửa Lò	96,0	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
160	110	693	P. Cửa Lò	111,6	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
161	110	694	P. Cửa Lò	96,0	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
162	110	695	P. Cửa Lò	118,0	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
163	110	696	P. Cửa Lò	96,0	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
164	110	697	P. Cửa Lò	157,5	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
165	110	698	P. Cửa Lò	96,0	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
166	110	699	P. Cửa Lò	118,0	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
167	110	700	P. Cửa Lò	96,0	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
168	110	701	P. Cửa Lò	125,0	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
169	110	702	P. Cửa Lò	132,0	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
170	110	703	P. Cửa Lò	96,0	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
171	110	704	P. Cửa Lò	125,0	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
172	110	705	P. Cửa Lò	132,0	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
173	110	706	P. Cửa Lò	96,0	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
174	110	708	P. Cửa Lò	125,0	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
175	110	709	P. Cửa Lò	132,0	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
176	110	710	P. Cửa Lò	96,0	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
177	110	711	P. Cửa Lò	125,0	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
178	110	712	P. Cửa Lò	132,0	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
179	110	713	P. Cửa Lò	96,0	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
180	110	714	P. Cửa Lò	125,0	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ

181	110	715	P. Cửa Lò	132,0	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
182	110	716	P. Cửa Lò	125,0	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
183	110	717	P. Cửa Lò	96,0	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
184	110	718	P. Cửa Lò	125,0	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
185	110	719	P. Cửa Lò	132,0	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
186	110	720	P. Cửa Lò	96,0	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
187	110	721	P. Cửa Lò	162,0	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
188	110	722	P. Cửa Lò	132,0	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
189	110	723	P. Cửa Lò	96,0	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
190	110	724	P. Cửa Lò	194,5	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
191	110	725	P. Cửa Lò	121,8	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
192	110	726	P. Cửa Lò	136,4	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
193	110	727	P. Cửa Lò	96,0	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
194	110	728	P. Cửa Lò	99,2	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
195	110	729	P. Cửa Lò	125,0	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
196	110	730	P. Cửa Lò	132,0	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
197	110	731	P. Cửa Lò	133,6	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
198	110	732	P. Cửa Lò	125,0	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
199	110	734	P. Cửa Lò	132,0	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
200	110	735	P. Cửa Lò	125,0	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
201	110	736	P. Cửa Lò	132,0	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
202	110	737	P. Cửa Lò	125,0	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
203	110	738	P. Cửa Lò	118,0	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
204	110	740	P. Cửa Lò	132,0	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
205	110	741	P. Cửa Lò	125,0	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
206	110	742	P. Cửa Lò	194,5	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
207	110	743	P. Cửa Lò	132,0	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
208	110	744	P. Cửa Lò	125,0	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
209	110	745	P. Cửa Lò	118,0	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
210	110	746	P. Cửa Lò	125,0	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
211	110	747	P. Cửa Lò	132,0	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
212	110	748	P. Cửa Lò	174,5	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
213	110	749	P. Cửa Lò	132,0	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
214	110	750	P. Cửa Lò	135,0	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
215	110	751	P. Cửa Lò	118,0	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
216	110	753	P. Cửa Lò	136,4	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
217	110	754	P. Cửa Lò	132,0	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
218	110	755	P. Cửa Lò	117,8	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
219	110	756	P. Cửa Lò	172,0	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
220	110	757	P. Cửa Lò	132,0	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
221	110	758	P. Cửa Lò	132,0	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
222	110	759	P. Cửa Lò	132,0	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
223	110	760	P. Cửa Lò	135,0	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
224	110	761	P. Cửa Lò	157,2	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
225	110	762	P. Cửa Lò	132,0	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
226	110	763	P. Cửa Lò	132,0	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
227	110	764	P. Cửa Lò	135,0	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
228	110	765	P. Cửa Lò	132,0	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ

229	110	766	P. Cửa Lò	118,0	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
230	110	768	P. Cửa Lò	132,0	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
231	110	769	P. Cửa Lò	135,0	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
232	110	770	P. Cửa Lò	118,0	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
233	110	772	P. Cửa Lò	136,4	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
234	110	773	P. Cửa Lò	114,0	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
235	110	774	P. Cửa Lò	132,0	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
236	110	775	P. Cửa Lò	114,0	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
237	110	776	P. Cửa Lò	132,0	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
238	110	777	P. Cửa Lò	114,0	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
239	110	778	P. Cửa Lò	132,0	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
240	110	780	P. Cửa Lò	114,0	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
241	110	781	P. Cửa Lò	132,0	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
242	110	782	P. Cửa Lò	114,0	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
243	110	783	P. Cửa Lò	132,0	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
244	110	784	P. Cửa Lò	114,0	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
245	110	785	P. Cửa Lò	132,0	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
246	110	786	P. Cửa Lò	157,2	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
247	110	787	P. Cửa Lò	114,0	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
248	110	788	P. Cửa Lò	136,4	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
249	110	789	P. Cửa Lò	114,0	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
250	110	791	P. Cửa Lò	125,0	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
251	110	792	P. Cửa Lò	204,5	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
252	110	793	P. Cửa Lò	90,0	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
253	110	795	P. Cửa Lò	129,8	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
254	110	796	P. Cửa Lò	90,0	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
255	110	797	P. Cửa Lò	117,8	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
256	110	798	P. Cửa Lò	90,0	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
257	110	799	P. Cửa Lò	114,0	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
258	110	801	P. Cửa Lò	90,0	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
259	110	802	P. Cửa Lò	129,8	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
260	110	803	P. Cửa Lò	114,0	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
261	110	804	P. Cửa Lò	93,0	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
262	110	805	P. Cửa Lò	114,0	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
263	110	806	P. Cửa Lò	199,5	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
264	110	807	P. Cửa Lò	135,0	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
265	110	808	P. Cửa Lò	129,8	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
266	110	809	P. Cửa Lò	114,0	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
267	110	811	P. Cửa Lò	125,0	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
268	110	812	P. Cửa Lò	114,0	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
269	110	813	P. Cửa Lò	125,0	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
270	110	814	P. Cửa Lò	129,8	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
271	110	815	P. Cửa Lò	125,0	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
272	110	816	P. Cửa Lò	194,5	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
273	110	817	P. Cửa Lò	114,0	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
274	110	818	P. Cửa Lò	90,0	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
275	110	819	P. Cửa Lò	129,8	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
276	110	820	P. Cửa Lò	150,0	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ

277	110	821	P. Cửa Lò	90,0	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
278	110	822	P. Cửa Lò	150,0	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
279	110	824	P. Cửa Lò	90,0	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
280	110	825	P. Cửa Lò	150,0	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
281	110	826	P. Cửa Lò	145,4	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
282	110	827	P. Cửa Lò	90,0	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
283	110	828	P. Cửa Lò	150,0	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
284	110	829	P. Cửa Lò	90,0	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
285	110	830	P. Cửa Lò	150,0	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
286	110	831	P. Cửa Lò	90,0	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
287	110	832	P. Cửa Lò	150,0	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
288	110	833	P. Cửa Lò	90,0	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
289	110	835	P. Cửa Lò	150,0	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
290	110	836	P. Cửa Lò	90,0	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
291	110	837	P. Cửa Lò	150,0	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
292	110	838	P. Cửa Lò	150,0	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
293	110	840	P. Cửa Lò	150,0	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
294	110	841	P. Cửa Lò	106,2	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
295	110	842	P. Cửa Lò	150,0	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
296	110	843	P. Cửa Lò	150,0	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
297	110	844	P. Cửa Lò	106,2	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
298	110	845	P. Cửa Lò	150,0	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
299	110	846	P. Cửa Lò	150,0	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
300	110	847	P. Cửa Lò	133,6	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
301	110	848	P. Cửa Lò	150,0	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
302	110	849	P. Cửa Lò	93,0	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
303	110	850	P. Cửa Lò	150,0	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
304	110	851	P. Cửa Lò	90,0	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
305	110	852	P. Cửa Lò	150,0	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
306	110	853	P. Cửa Lò	90,0	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
307	110	854	P. Cửa Lò	150,0	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
308	110	855	P. Cửa Lò	150,0	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
309	110	856	P. Cửa Lò	150,0	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
310	110	857	P. Cửa Lò	150,0	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
311	110	858	P. Cửa Lò	124,0	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
312	110	859	P. Cửa Lò	125,4	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
313	110	860	P. Cửa Lò	207,0	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
314	110	861	P. Cửa Lò	125,4	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
315	110	862	P. Cửa Lò	125,4	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
316	110	863	P. Cửa Lò	125,4	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
317	110	864	P. Cửa Lò	176,0	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
318	110	865	P. Cửa Lò	176,0	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
319	110	866	P. Cửa Lò	94,5	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
320	110	867	P. Cửa Lò	176,0	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
321	110	868	P. Cửa Lò	90,0	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
322	110	869	P. Cửa Lò	90,0	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
323	110	870	P. Cửa Lò	176,0	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
324	110	871	P. Cửa Lò	143,5	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ

325	110	872	P. Cửa Lò	118,8	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
326	110	873	P. Cửa Lò	118,8	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
327	110	874	P. Cửa Lò	121,0	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
328	110	875	P. Cửa Lò	127,5	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
329	110	876	P. Cửa Lò	176,0	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
330	110	878	P. Cửa Lò	176,0	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
Tổng diện tích đất ở thấp tầng				43.559,8		
II. Đất nhà ở xã hội						
331	110	646	P. Cửa Lò	10.900,0	ODT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
Tổng diện tích đất nhà ở xã hội				10.900,0		
III. Đất công cộng						
332	110	739	P. Cửa Lò	1222,0	DVH	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
333	104	778	P. Cửa Lò	118,3	DTL	Tờ 16, P. Nghi Thu cũ
334	104	782	P. Cửa Lò	37,9	DTL	Tờ 16, P. Nghi Thu cũ
335	109	385	P. Cửa Lò	93,7	DTL	Tờ 21, P. Nghi Thu cũ
336	109	394	P. Cửa Lò	56,0	DTL	Tờ 21, P. Nghi Thu cũ
337	109	408	P. Cửa Lò	154,4	DTL	Tờ 21, P. Nghi Thu cũ
338	109	431	P. Cửa Lò	162,5	DTL	Tờ 21, P. Nghi Thu cũ
339	110	609	P. Cửa Lò	166,4	DTL	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
340	110	707	P. Cửa Lò	411,2	DTL	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
341	110	790	P. Cửa Lò	333,7	DTL	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
342	110	839	P. Cửa Lò	412,5	DTL	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
343	110	877	P. Cửa Lò	153,5	DTL	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
344	104	788	P. Cửa Lò	77,5	DKV	Tờ 16, P. Nghi Thu cũ
345	104	797	P. Cửa Lò	2.970,1	DKV	Tờ 16, P. Nghi Thu cũ
346	110	733	P. Cửa Lò	3.537,2	DKV	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
347	110	752	P. Cửa Lò	5.623,1	DKV	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
348	110	834	P. Cửa Lò	9.427,7	DKV	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
349	103	483	P. Cửa Lò	476,5	DGT	Tờ 15, P. Nghi Thu cũ
350	104	785	P. Cửa Lò	2.353,6	DGT	Tờ 16, P. Nghi Thu cũ
351	104	804	P. Cửa Lò	227,7	DGT	Tờ 16, P. Nghi Thu cũ
352	109	381	P. Cửa Lò	289,5	DGT	Tờ 21, P. Nghi Thu cũ
353	109	402	P. Cửa Lò	7.285,4	DGT	Tờ 21, P. Nghi Thu cũ
354	110	680	P. Cửa Lò	2.505,5	DGT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
355	110	767	P. Cửa Lò	24.233,1	DGT	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
Tổng diện tích đất công cộng				62.329,0		
Tổng diện tích đất giao cho Chủ đầu tư để thực				116.788,8		
B. Đất cho Chủ đầu tư thuê để thực hiện dự án						
I. Đất cơ sở giáo dục						
356	110	677	P. Cửa Lò	2.444,0	DGD	Tờ 22, P. Nghi Thu cũ
Tổng diện tích đất cơ sở giáo dục				2.444,0		
Tổng diện tích đất cho Chủ đầu tư thuê để				2.444,0		